TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIAO THỦY** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31-12-2020
V/v "Ly hôn giữa chị Quàng Thị L và anh Trần Văn T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ông Ngọc Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Hùng Hạnh;

2. Bà Quách Thị Lừng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Thái Thưởng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tham gia phiên tòa:*** Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án "Hôn nhân và gia đình" thụ lý số 196/2020/TLST-HNGĐ ngày 13-10-2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30-11-2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Quàng Thị L; sinh năm 1990;

Địa chỉ: Bản P, phường N, thành phố Đ, tỉnh B "vắng mặt".

Bị đơn: Anh Trần Văn T; sinh năm 1990;

Địa chỉ: Xóm 21, xã G, huyện G, tỉnh N "có mặt".

Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan: Bà Đinh Thị D; sinh năm 1970

Địa chỉ: Xóm 21, xã G, huyện G, tỉnh N "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Quàng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu, được Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh N cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21-12-2012. Sau cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T có quan hệ ngoại tình, ham chơi bời nên đã dẫn đến tình cảm vợ chồng đổ vỡ, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 1-2018 cho đến nay. Nay chị xét thấy không còn tình cảm vợ chồng, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là Trần G B; sinh ngày 26-7-2013 hiện đang ở với bố mẹ anh T; từ khi vợ chồng sống ly thân, chị vẫn thường xuyên về thăm và gửi tiền để bố mẹ anh T chăm sóc cho cháu Trần G B. Khi ly hôn chị có nguyện vọng xin nhận nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Quàng Thị L tự nguyện tìm hiểu, được Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Sau cưới vợ chồng thường xuyên sống xa cách lên nghi ngờ nhau về lòng chung thủy. Nay chị L xin ly hôn, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn lên hoàn toàn nhất trí ly hôn.

Về con: Vợ chồng có 1 con chung là Trần G B; sinh ngày 26-7-2013; từ khi cháu sinh ra cho đến nay chủ yếu ở với ông bà nội, trực tiếp do mẹ anh là bà Đinh Thị D chăm sóc nuôi dưỡng. Nay cháu đang học lớp 2 Trường tiểu học G, huyện G, tỉnh N ổn định về mọi mặt. Nay anh có nguyện vọng tiếp tục được nuôi con đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, hiện nay anh làm nghề sửa chữa ô tô thu nhập đủ để nuôi con để cho cháu không bị sáo trộn cuộc sống và ổn định học hành.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan là bà Định Thi D trình bày: Cháu Trần G B từ bé đến nay chủ yếu do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay cháu đang học lớp 2 Trường tiểu học G, huyện G, tỉnh N, từ khi cháu B ở với bà, cuộc sống, nơi ăn ở và việc học hành của cháu được bà chăm sóc chu đáo. Bà đề nghị Tòa án giao cháu B cho anh T nuôi dưỡng để bà trực tiếp chăm sóc cháu B thay anh T là tốt nhất.

Tại bản tự khai ngày 28-10-2020, con chung là Trần G B có nguyện vọng xin được ở với mẹ.

Tại biên bản làm việc ngày 11-11-2020, đại diện chính quyền địa phương cùng đoàn thể, cơ sở xóm 21 xã G đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án; Nếu Tòa án giải quyết cho chị L và anh T ly hôn, thì nên giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần G B để đảm bảo không bị ảnh hưởng, sáo trộn cuộc sống và học hành của cháu.

Vợ chồng anh T chị L không nợ gì đối với các khoản đóng góp nghĩa vụ của địa phương.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Tòa án căn cứ các Điều 56,58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án: Xử ly hôn giữa chị Quàng Thị L và anh Trần Văn T; giao con chung là Trần G B, sinh ngày 26-7-2013 cho anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh T. Chị L có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở quyền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy nội dung nguyên đơn chị Quàng Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, về nuôi con chung đối với anh Trần Văn T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Xóm 21, xã G, huyện G, tỉnh N. Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định.

Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Quàng Thị L và anh Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu, được Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được cho đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không tin tưởng nhau về lòng chung thủy đã dẫn đến tình cảm vợ chồng đổ vỡ, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01-2018 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị L đề nghị Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên hoàn toàn nhất trí. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Quàng Thị L và anh Trần Văn T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chấp nhận nguyện vọng của chị L xin ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần G B; sinh ngày 26-7-2013, hiện nay con chung đang ở với bố mẹ anh T. Cả chị L và anh T đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con.

Việc giao con cho anh T hay chị L trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào điều kiện thực tế của mỗi bên xem ai có khả năng chăm sóc cho con chung được tốt nhất.

Xét điều kiện hiện tại chị L đang lao động tại Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam, anh T lao động tự do cả hai đều có thu nhập. Hiện tại cháu B là con chung của vợ chồng đã và đang ở với anh T từ nhỏ đến nay, có chỗ ở ổn định, việc học hành và cuộc sống đều đảm bảo tốt (do bố mẹ anh T trực tiếp chăm sóc hộ anh T). Để duy trì cuộc sống của con chung được tốt, ổn định và không bị sáo trộn, nay tiếp tục giao con chung của vợ chồng là cháu Trần G B cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; về cấp dưỡng nuôi con, anh T không yêu cầu nên chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Chị L, anh T đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí; quyền kháng cáo: Chị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; chị L, anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội vè mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa chị Quàng Thị L và anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần G B, sinh ngày 26-7-2013 cho anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự lập được. Chị Quàng Thị L không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trần Văn T.

Chị Quàng Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Quàng Thị L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng(ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0000036 ngày 13-10-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh N (chị Quàng Thị L đã nộp đủ án phí ly hôn).

3. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn T và bà Đinh Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Quàng Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ông Ngọc Lễ